

**Diễn biến thị trường ngày 12.04.2017**

Thị trường ngày hôm nay điều chỉnh mạnh sau những phiên tăng điểm tích cực, cụ thể: VN-index giảm mạnh 5,75 điểm (-0,79%) xuống còn 725,58 điểm, HNX-Index giảm 0,72 điểm (-0,8%) xuống còn 89,91 điểm, UPCOM-Index giảm 0,08 điểm (-0,14%) xuống còn 57,38 điểm. Thanh khoản toàn thị trường vẫn duy trì cao với 315 triệu cổ phiếu với giá trị: 5,172 tỷ đồng.

Khối ngoại mua ròng ba ngày liên tiếp. Trên sàn HOSE mua ròng 5,6 triệu cổ phiếu với giá trị 199 tỷ đồng: chủ yếu mua ròng HPG (60 tỷ đồng), VNM (33 tỷ đồng), VJC (21 tỷ đồng), KBC (15 tỷ đồng), AAA (13 tỷ đồng); ngược lại chiều bán rất ít như ROS (8 tỷ đồng), DPM (7,8 tỷ đồng). Trên sàn HNX mua ròng 0,79 triệu cổ phiếu với giá trị 13 tỷ đồng.

Chỉ số VN-Index đã điều chỉnh mạnh trên toàn thị trường với tổng 169/308 cổ phiếu giảm điểm, hành động chốt lời của các nhà đầu tư sau khi ghi nhận tăng điểm tích cực của các cổ phiếu. Trong phiên giao dịch ngày mai, VN-Index có thể giảm điểm xuống vùng hỗ trợ 721- 725 điểm và bật tăng trở lại vùng kháng cự ở 728-730 điểm khi các nhà đầu tư chốt lời xong.

<b>Cập nhật thị trường</b>	<b>HOSE</b>	<b>HNX</b>
Chỉ số	725,58	89,91
% thay đổi	<b>-0,79%</b>	<b>-0,80%</b>
Tổng KLGD (triệu CP)	249,51	54,25
Tổng GTGD (Tỷ VND)	4.288,48	586,82
KL Dư mua (triệu CP)	170,39	40,91
KL Dư bán (triệu CP)	153,73	28,12
<b>Giao dịch nước ngoài</b>	<b>HOSE</b>	<b>HNX</b>
KL mua (triệu CP)	11,51	1,32
KL bán (triệu CP)	5,89	0,52
GT mua (tỷ đồng)	462,29	23,24
GT bán (tỷ đồng)	263,17	9,75
KL mua/bán ròng (triệu CP)	5,62	0,8
GT mua/bán ròng (tỷ đồng)	199,12	13,49
<b>Chỉ số thị trường</b>	<b>HOSE</b>	<b>HNX</b>
P/B	4,6	1,67
P/E	16,85	11,57
Beta	0,81	0,85
ROE	21,38%	14,91%
ROA	11,01%	6,14%

VJC (+ 1,75%) là cổ phiếu ảnh hưởng tích cực nhất lên chỉ số VN-Index trong ngày sau khi hãng hàng không này đề xuất xin nói room khối ngoại từ 30% lên 49%.

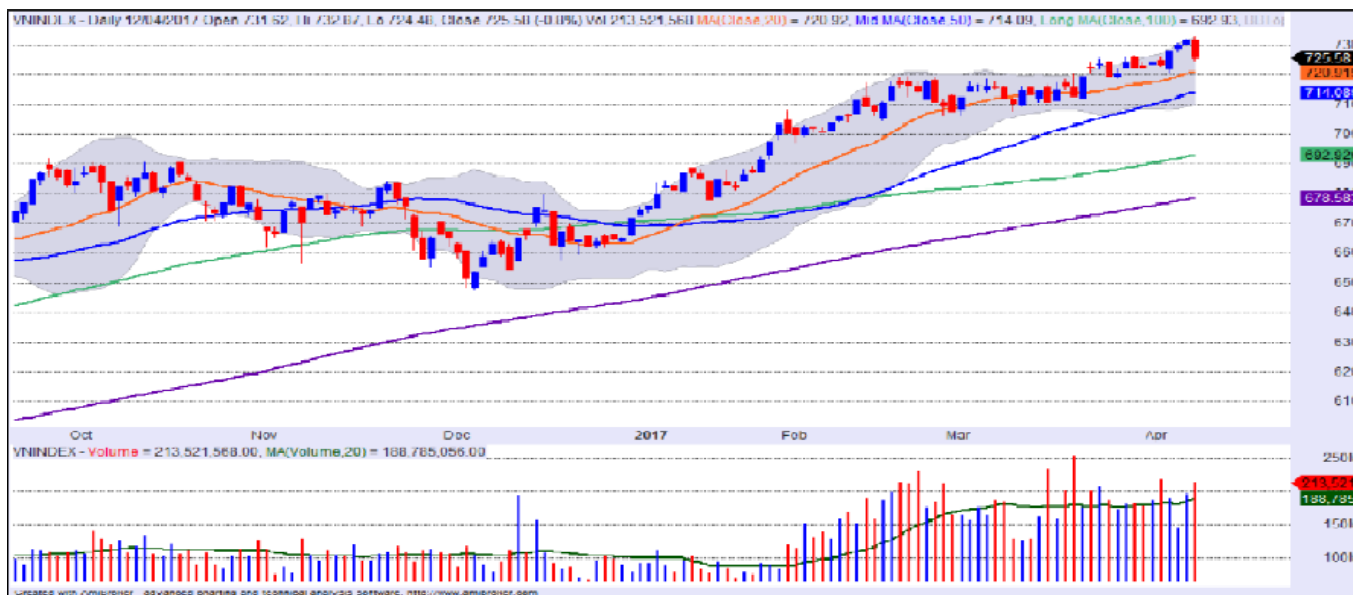
Ngoài VJC, thị trường ghi nhận đà tăng của một số cổ phiếu lớn khác như VNM (+0,35%), ROS (+0,88%), FPT (+1,28%), STB (+0,8%); nhưng không đủ lực giúp thị trường tránh khỏi một phiên điều chỉnh mạnh.

Nhiều cổ phiếu lớn giảm điểm trong phiên hôm qua: SAB (-2,2%), GAS (-2,5%), VIC (-1,2%), CTG (-1,7%), BHN (-3,8%), HPG (-0,9%), MSN (-0,7%), VCB (-0,3%), BVH (-0,2%), ACB (-2,5%) là lực chính giảm điểm thị trường ngày hôm nay.

Ở nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ, giao dịch cũng không khả quan khi một loạt cổ phiếu trong nhóm này đều giảm điểm, như FLC (-5,5%), ITA (-5,2%), HAG (-5,9%), HNG (-7%).

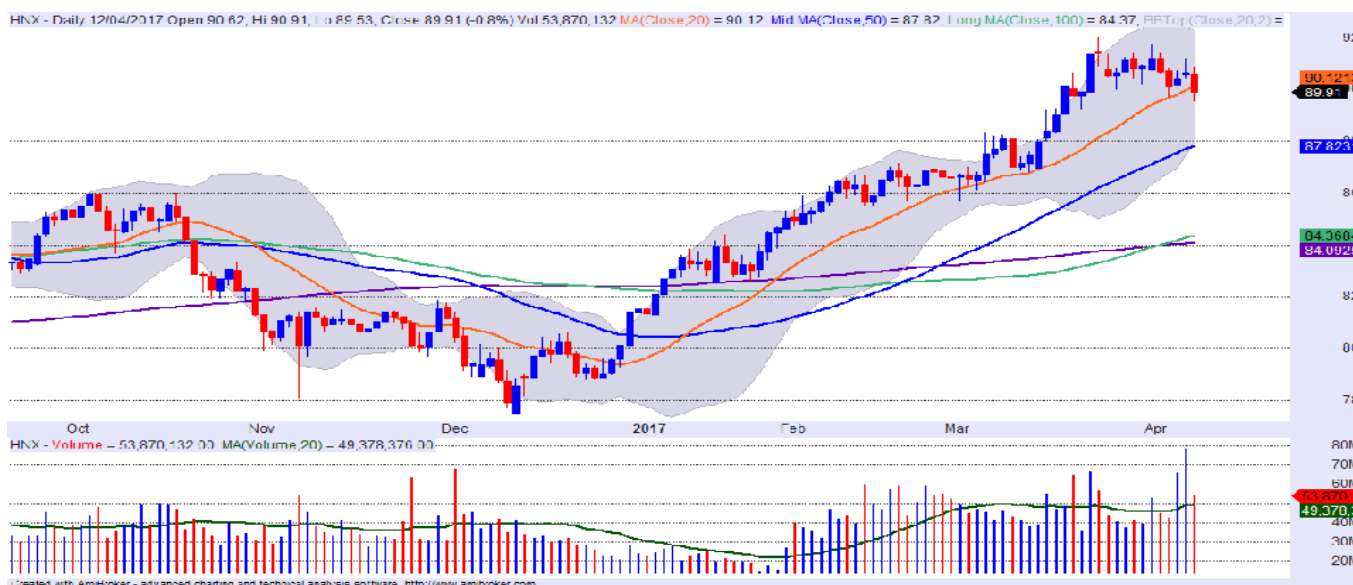
## Phân tích kỹ thuật

### VN-Index



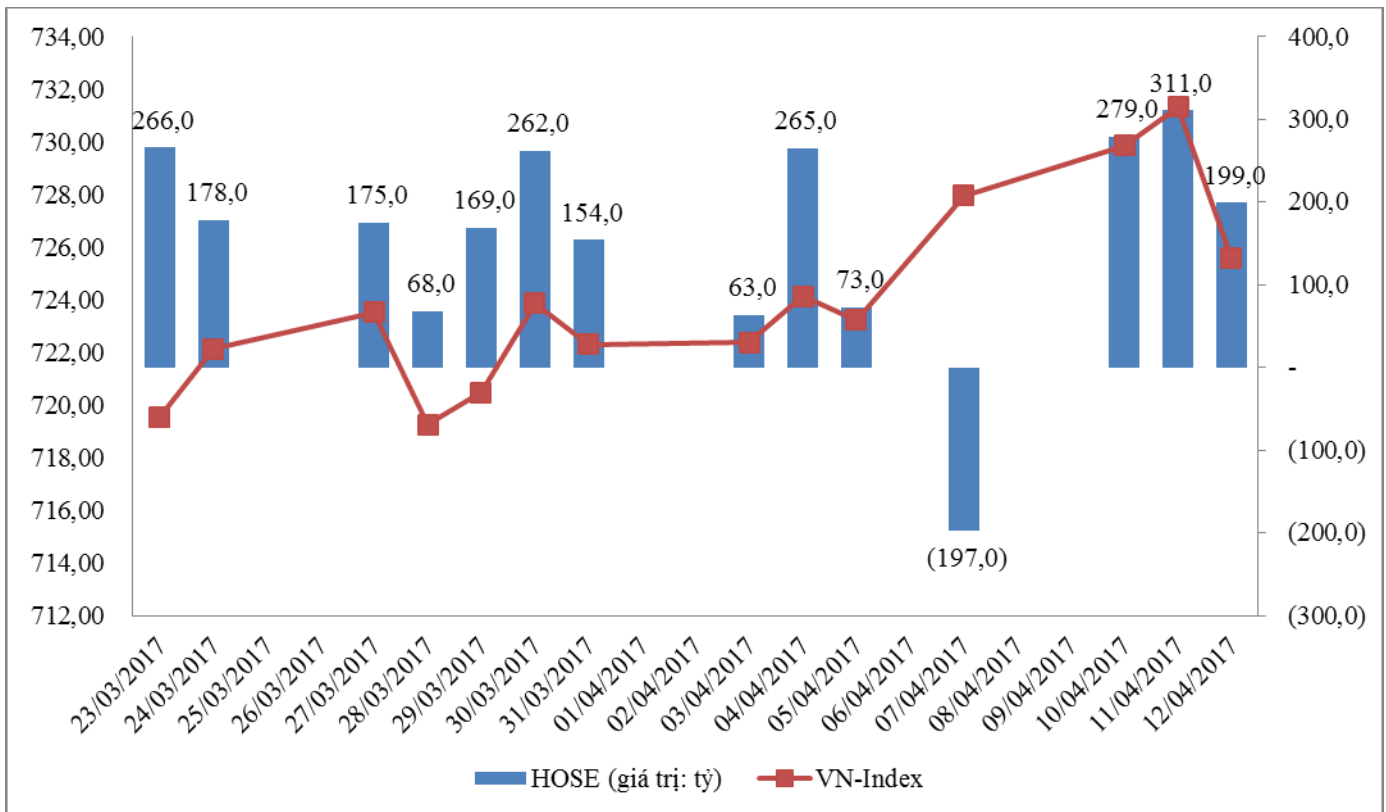
VN-Index giảm điểm khá mạnh trở lại sau 3 phiên tăng liên tiếp trước đó. Tín hiệu kỹ thuật trong ngắn hạn của chỉ số chuyển từ tích cực xuống trung tính với hỗ trợ gần nhất tại 725 điểm (MA10) và kháng cự gần nhất tại 728 điểm (MA5). Tín hiệu kỹ thuật trong trung hạn với hỗ trợ gần nhất tại 721 điểm (MA20).

### HNX-Index



HNX-Index giảm điểm mạnh trở lại sau 2 phiên tăng điểm nhẹ liên tiếp. Tín hiệu kỹ thuật trong ngắn hạn của chỉ số chuyển từ trung tính về tiêu cực với vùng kháng cự trong khoảng 90,4-90,7 điểm (MA5-10) và hỗ trợ gần nhất là 89 điểm.

## Giao dịch ròng khối ngoại và VN-Index



## Điểm tin doanh nghiệp

Nhân hàng Quốc tế (mã CK: VIB) vừa công bố tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017 dự kiến sẽ được tổ chức vào ngày 27/4/2017 tại Hà Nội. Theo tài liệu này, năm 2016, VIB đạt lợi nhuận trước thuế 702 tỷ đồng, đạt 104% kế hoạch ĐHCĐ giao; tổng tài sản đạt 104.500 tỷ đồng, đạt 116% kế hoạch ĐHCĐ giao; tăng trưởng tín dụng đạt xấp xỉ 70.000 tỷ đồng, tăng 25% trong 2 năm liên tiếp. Trong năm 2016, VIB đã mua lại 30% dư nợ bán cho VAMC, tỷ lệ nợ xấu duy trì dưới 3%. Tiếp nối 2 năm 2014 và 2015 với chính sách chia cổ tức và cổ phiếu thưởng ở mức cao ở mức 23% và 25%, năm 2016, HĐQT VIB trình ĐHCĐ duyệt kế hoạch chi trả cổ tức và cổ phiếu thưởng cho cổ đông tối đa 44,6% vốn điều lệ, trong đó dự kiến chia cổ tức tiền mặt 5% (tùy thuộc phê duyệt của NHNN) và cổ phiếu thưởng 39,6% (bao gồm từ lợi nhuận lũy kế 3,5%, tăng vốn từ quỹ thặng dư 20,5%, quỹ bổ sung vốn điều lệ 15,6%). Một phương án khác được trình ĐHCĐ lựa chọn là không chia cổ tức bằng tiền mặt và tăng tỷ lệ chia cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng lên 44,6% (bao gồm từ lợi nhuận lũy kế 8,5%, tăng vốn từ quỹ thặng dư 20,5%, quỹ bổ sung vốn điều lệ 15,6%). Ngoài ra, HĐQT trình ĐHCĐ kế hoạch chia cổ phiếu thưởng cho cán bộ nhân viên 0,4% trên vốn điều lệ, tương đương gần 23 tỷ đồng. (trích nguồn: [tinnhanhchungkhoan.vn](http://tinnhanhchungkhoan.vn))

Tại buổi giới thiệu cơ hội đầu tư cổ phiếu SBV của CTCP Siam Brothers Việt Nam diễn ra chiều qua (11/4), đại diện đơn vị tư vấn niêm yết - Công ty chứng khoán TP.HCM (HSC) cho biết trong tháng 4 này, dự kiến hơn 20 triệu cổ phiếu SBV sẽ niêm yết trên HOSE với giá chào sàn 40.000 đồng/cổ phiếu. Siam Brothers Việt Nam doanh nghiệp thành lập với 100% vốn đầu tư từ Thái Lan, chuyên cung cấp dây thừng và các loại lưới phục vụ hoạt động đánh bắt thủy hải sản với hơn 22 năm hoạt động tại Việt Nam. Tại buổi gặp gỡ nhà đầu tư, ông Veerapong Sawatyanon, Chủ tịch HĐQT SBV cho biết, triển vọng trong lĩnh vực xuất khẩu, nông nghiệp và nuôi trồng của Việt Nam sẽ mở ra nhiều cơ hội cho SBV trong thời gian tới. Theo đó, việc niêm yết sẽ giúp công ty có điều kiện gia tăng công suất, mở thêm nhiều nhà máy đáp ứng nhu cầu tiêu thụ trong tương lai. Năm 2016, SBV đạt 508 tỷ đồng doanh thu, lợi nhuận sau thuế 113 tỷ đồng, tăng trưởng lần lượt 10% và 38,6% so với thực hiện năm 2015. Theo SBV, hiện thị phần trong ngành của công ty chiếm khoảng 40%, cách khá xa đối thủ đứng thứ 2, gấp hơn 2,5 lần. Ban lãnh đạo SBV cho biết định hướng trong năm 2017, bên cạnh cung cấp dây thừng, sẽ cung cấp các sản phẩm hậu cần khác trong hoạt động đánh bắt thủy hải sản, hiện dây thừng chỉ chiếm 20% tổng giá trị các sản phẩm phục vụ hoạt động đánh bắt, 80% còn lại đến từ các sản phẩm hậu cần. (trích nguồn: [tinnhanhchungkhoan.vn](http://tinnhanhchungkhoan.vn))

### Điểm tin kinh tế

Giá dầu kỳ hạn được đẩy lên cao bởi OPEC thực hiện nghiêm túc thỏa thuận cắt giảm tuy nhiên lại bị hạn chế do Mỹ liên tục tăng sản lượng khai thác dầu đá phiến. Thị trường lạc quan hơn khi Ả-rập Saudi cho biết sau cuộc họp được tổ chức vào tháng Năm tới đây, quốc gia này muốn kéo dài thỏa thuận cắt giảm sản lượng thêm 6 tháng nữa. Giá dầu WTI tăng 32 cent lên mức 53,4 USD/thùng sau khi chạm ngưỡng cao nhất trong vòng 5 tuần. Giá dầu Brent tăng 19 cent so với mức 55,93 USD/thùng cuối phiên hôm thứ Hai. Đầu phiên hôm qua, giá dầu Brent chạm mức cao nhất kể từ 7/3 đạt 55,16 USD/thùng. Giá dầu Brent tăng liên tiếp trong 6 phiên trong khi giá dầu WTI tăng trong vòng 5 ngày qua. Các chuyên gia cho biết thị trường có thể không còn quá lo ngại về nhu cầu dầu tăng trong tương lai, tuy nhiên dựa trên một số chỉ số cho thấy lượng dầu thừa trên thị trường vẫn còn ở mức cao, gây cản trở cho việc tăng giá dầu. Chuyên gia phân tích cấp cao Phil Streible đến từ công ty RJO cho biết căng thẳng leo thang giữa Mỹ và Triều Tiên, Syria có thể làm giảm nhu cầu dầu. Cùng lúc đó trữ lượng dầu thô Mỹ liên tục chạm mức cao kỷ lục, đặc biệt là ở các kho chứa dầu tại Cushing và vùng Duyên hải Vịnh Mexico của Mỹ. (trích nguồn: [ndh.vn](http://ndh.vn))

Sau hai quý phục hồi, kinh tế Việt Nam chỉ tăng trưởng ở mức 5,1% (theo năm) trong quý 1, thấp nhất trong vòng 3 năm trở lại đây (Q1/2015: 6,12%; Q1/2016: 5,48%). Đáng chú ý, suy giảm tăng trưởng quý 1 đến từ hầu hết các nhóm ngành công nghiệp. Đó là thông tin từ báo cáo mới đây của Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế và Chính sách (VEPR) thuộc Trường Kinh tế, Đại học

Quốc gia Hà Nội. Theo báo cáo này, công nghiệp chế biến chế tạo chỉ tăng 8,3% (theo năm), thấp hơn mức 9,7% và 8,94% trong hai năm 2015-2016. Công nghiệp khai khoáng tiếp tục suy giảm mạnh, làm giảm 0,76 điểm phần trăm tăng trưởng kinh tế quý 1. Tính chung lại, ngành công nghiệp chỉ tăng trưởng 3,85% (theo năm) trong quý 1, thấp nhất kể từ 2011 trở lại đây. Ngành xây dựng cũng chỉ đạt mức tăng trưởng 6,1% (theo năm) và đóng góp 0,3 điểm phần trăm vào tăng trưởng kinh tế. Khu vực nông, lâm, ngư nghiệp đã có những dấu hiệu phục hồi tích cực sau một năm suy giảm. Tăng trưởng khu vực này đạt 2,03% (theo năm), xấp xỉ mức tăng trưởng các năm trước đó. Trong đó, nông nghiệp tăng 1,38% (Q1/2016: -2,69%), lâm nghiệp tăng 4,94% và thủy sản tăng 3,5% so với cùng kỳ năm 2016. Khu vực dịch vụ vẫn duy trì ổn định và tăng trưởng ở mức 6,52% (theo), cao hơn so với cùng kỳ hai năm trước. Chỉ số sản xuất công nghiệp và tiêu thụ suy giảm mạnh trong khi tồn kho tăng đáng kể trong hai tháng đầu năm. IPI ba tháng đầu năm chỉ tăng 0,7% - 2,4% - 4,1%, thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây. Trong đó, IPI ngành công nghiệp chế biến chế tạo quý 1 cũng chỉ tăng 8,3% (hàng năm) so với mức tăng 9,4% cùng kỳ năm 2016. Chỉ số tiêu thụ thậm chí giảm 4,4% trong tháng 1 trước khi phục hồi lại mức 7,9% (theo năm) trong tháng 2. Trong khi đó, chỉ số tồn kho ngành công nghiệp đã tăng lên mức 13,3% và 12,5% (theo năm) trong hai tháng đầu năm. Điều này cũng phản ánh đúng hiệu ứng tháng Tết Nguyên đán, khi mà nhiều hoạt động sản xuất, tiêu thụ công nghiệp suy giảm mạnh. Chỉ số hoạt động kinh tế VEPI (Viet Nam Economic Performance Index) được VEPR thử nghiệm tính toán và tổng hợp dựa trên số liệu về sản lượng điện thương phẩm, kim ngạch xuất nhập khẩu, vận tải hàng hóa nội địa, tăng trưởng tín dụng và PMI sản xuất. Chỉ số VEPI cũng cho thấy sự suy giảm trong tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, khác với tăng trưởng kinh tế, chỉ số VEPI vẫn đạt mức 5,8%, cao hơn cùng kỳ năm trước. Nhập khẩu tăng mạnh kết hợp với tăng trưởng tín dụng cao từ những quý trước đã giúp chỉ số VEPI vẫn được đánh giá tích cực trong quý 1. (trích nguồn: *cafebiz.vn*)

Từ nay, sẽ không đặt ra vấn đề Ngân hàng Nhà nước mua lại các ngân hàng với giá 0 đồng. Đây là thông tin vừa được Cổng thông tin điện tử Chính phủ đưa ra, theo kết luận được thống nhất tại phiên họp Chính phủ chuyên đề xây dựng pháp luật ngày 11/4, với nội dung thảo luận về dự thảo Luật Cơ cấu lại các tổ chức tín dụng và xử lý nợ xấu. Trong dự thảo đang lấy ý kiến hoàn thiện có nêu quy định về phát hiện và xử lý tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt, với các phương án xử lý: phương án phục hồi; phương án xử lý pháp nhân (sáp nhập, hợp nhất, bán toàn bộ vốn điều lệ, giải thể, phá sản); phương án chuyển giao bắt buộc tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt. Cùng với các biện pháp xử lý khác đã nêu trong dự án luật, các ý kiến cũng thống nhất từ nay trở đi, sẽ không đặt ra vấn đề Ngân hàng Nhà nước mua lại các ngân hàng với giá 0 đồng. Theo đó, các ngân hàng yếu kém sẽ được đưa vào diện kiểm soát đặc biệt mà không dùng hình thức Ngân hàng Nhà nước mua lại với giá 0 đồng, sau đó có các biện pháp tài chính, cuối cùng mới áp dụng biện pháp mua bắt buộc. (trích nguồn: *cafef.vn*)

## Thống kê giao dịch sàn HOSE và HNX ngày 12.04.2017

Top KLGD nhiều nhất tại sàn HOSE					
STT	Mã CK	Giá (VND 1000)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (tr vnd)
1	FLC	7,56	(5,50)	30.705.220	239.725
2	ITA	3,08	(5,23)	21.657.570	66.689
3	HQC	2,34		15.954.360	37.084
4	HAG	8,60	(5,91)	12.339.650	108.010
5	SCR	9,26	5,35	10.689.550	97.903
6	STB	12,75	0,79	6.402.260	81.085
7	ROS	172,00	0,88	4.777.120	819.110
8	VHG	2,56	(3,40)	4.376.600	11.099
9	HPG	31,60	(0,94)	4.231.190	133.750
10	HSG	49,50	(3,88)	4.190.710	210.386

Top tăng giá nhiều nhất tại sàn HOSE (KLGD> 200.000)					
STT	Mã CK	Giá (VND 1000)	%	KLGD	Giá trị (tr vnd)
1	PDR	25,10	6,81	600.890	15.075
2	HID	3,61	6,80	1.912.320	6.858
3	ATG	2,37	6,76	329.940	782
4	LCM	1,27	6,72	245.900	309
5	SCR	9,26	5,35	10.689.550	97.903
6	LDG	12,10	4,76	1.636.950	19.678
7	DHM	6,07	4,12	1.084.010	6.584
8	NTL	10,60	2,42	1.373.500	14.458
9	NBB	21,50	2,38	522.760	11.207
10	AAA	26,00	1,96	2.746.840	71.007

Top tăng giá nhiều nhất tại sàn HNX (KLGD> 150.000)					
STT	Mã CK	Giá (VND 1000)	%	KLGD	Giá trị (tr vnd)
1	KVC	2,60	8,33	600.700	1.477
2	VGS	13,50	8,00	744.000	9.613
3	HKB	6,90	7,81	3.472.387	23.009
4	SPI	2,50	4,17	256.800	632
5	BII	2,60	4,00	300.300	757
6	CEO	12,50	3,31	4.090.950	51.199
7	PGS	18,20	2,82	650.091	11.725
8	VGC	16,30	2,52	1.500.738	24.408
9	SHB	6,90	1,47	14.434.467	98.021
10	CTS	8,60	1,18	297.636	2.530

Top KLGD nhiều nhất tại sàn HNX					
STT	Mã CK	Giá (VND 1000)	% (+/-)	KLGD	Giá trị (tr vnd)
1	SHB	6,90	1,47	14.434.467	98.021
2	ACB	23,10	(2,53)	4.187.963	97.894
3	CEO	12,50	3,31	4.090.950	51.199
4	HKB	6,90	7,81	3.472.387	23.009
5	KLF	2,30	(4,17)	1.900.340	4.371
6	SHN	10,30		1.726.553	17.707
7	VGC	16,30	2,52	1.500.738	24.408
8	VCG	15,50	(1,27)	1.328.495	20.608
9	PVS	17,20		1.209.424	20.850
10	DCS	2,30		949.510	2.184

Top giảm giá nhiều nhất tại sàn HOSE (KLGD> 200.000)					
STT	Mã CK	Giá (VND 1000)	% (-)	KLGD	Giá trị (tr vnd)
1	HNG	10,70	(6,96)	4.025.110	43.838
2	TIF	8,02	(6,96)	509.620	4.156
3	SMC	23,20	(6,45)	384.850	9.082
4	QCG	5,80	(6,15)	304.670	1.799
5	PPI	3,10	(6,06)	690.870	2.206
6	HAG	8,60	(5,91)	12.339.650	108.010
7	FLC	7,56	(5,50)	30.705.220	239.725
8	ITA	3,08	(5,23)	21.657.570	66.689
9	OGC	1,20	(4,76)	3.795.600	4.552
10	IDI	4,40	(4,76)	487.060	2.227

Top giảm giá nhiều nhất tại sàn HNX (KLGD> 150.000)					
STT	Mã CK	Giá (VND 1000)	% (-)	KLGD	Giá trị (tr vnd)
1	SVN	2,50	(7,41)	438.300	1.129
2	ACM	1,70	(5,56)	617.313	1.050
3	TIH	9,40	(5,05)	629.874	6.015
4	PVX	2,20	(4,35)	615.775	1.354
5	KLF	2,30	(4,17)	1.900.340	4.371
6	VC3	30,00	(3,85)	576.025	17.755
7	BCC	15,80	(3,07)	323.169	5.165
8	TIG	3,70	(2,63)	325.103	1.203
9	ACB	23,10	(2,53)	4.187.963	97.894
10	TEG	8,60	(2,27)	522.700	4.527

## Thống kê giao dịch khối ngoại:

Top mua ròng giá trị sàn HOSE					
STT	Mã CK	Khối lượng	Giá trị (1.000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	HPG	1.897.210	60.005.190	100.903.207	37,03
2	VNM	232.580	33.438.330	659.978.335	54,53
3	VJC	158.770	21.289.930	12.171.590	25,94
4	KBC	1.000.070	15.247.350	75.672.273	24,87
5	AAA	528.090	13.603.150	7.044.516	19,63
6	PVD	665.390	13.474.800	87.534.153	26,16
7	VCB	293.580	10.804.870	333.995.638	20,72
8	PVT	715.200	9.467.360	67.917.704	24,87
9	CTD	39.460	7.989.870	4.319.054	43,39
10	NVL	103.480	7.295.730	228.744.584	10,76

Top bán ròng giá trị sàn HOSE					
STT	Mã CK	Khối lượng	Giá trị (1.000 đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	ROS	(51.720)	(8.884.700)	206.572.200	0,96
2	DPM	(337.490)	(7.868.980)	113.169.626	20,09
3	DCM	(300.000)	(3.194.660)	240.640.423	3,54
4	SSI	(92.420)	(2.140.720)	217.435.065	55,63
5	BFC	(39.490)	(1.399.230)	17.668.862	18,09
6	VHC	(24.490)	(1.388.750)	64.776.984	29,90
7	HAG	(141.690)	(1.233.040)	282.355.059	6,84
8	HTI	(48.600)	(1.201.430)	151.287.036	9,35
9	DRC	(37.300)	(1.156.080)	21.840.596	30,61
10	SMC	(47.950)	(1.127.570)	11.503.271	10,03

Top mua ròng giá trị tại HNX					
STT	Mã CK	Khối lượng	Giá trị (1.000 Đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	VGC	482.300	7.842.720	64.498.438	-
2	PVS	394.100	6.796.230	96.532.601	27,39
3	VND	131.200	2.019.320	2.136.588	47,62
4	BVS	35.000	596.000	15.801.357	27,12
5	PGS	21.600	384.160	16.131.832	16,74
6	PTI	13.600	380.800	7.515.709	39,65
7	CDN	15.500	328.080	32.072.000	0,41
8	IDV	4.000	206.400	5.387.423	2,42
9	VCS	1.300	205.780	27.881.890	2,53
10	TNG	12.000	158.400	9.157.790	22,12

Top bán ròng giá trị tại HNX					
STT	Mã CK	Khối lượng	Giá trị (1.000 Đ)	Room còn lại	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	NTP	(38.100)	(2.894.300)	11.709.906	33,25
2	NDN	(176.400)	(1.517.040)	9.458.321	26,55
3	MAS	(6.900)	(655.940)	1.007.415	15,52
4	VIX	(77.000)	(461.990)	20.322.956	20,01
5	TV2	(900)	(205.100)	9.149	48,82
6	DHP	(15.800)	(148.450)	3.546.078	11,64
7	API	(6.200)	(146.700)	2.023.300	43,44
8	SHB	(20.600)	(141.080)	207.225.610	9,68
9	GMX	-5300	(127.200)	2.458.640	2,79
10	VHL	(1.600)	(110.700)	4.988.139	17,82

## Thống kê theo nhóm ngành:

Ngành	Vốn hóa (Tỷ VND)	Tỷ trọng vốn hóa	% thay đổi 1 ngày	% thay đổi 1 tháng	P/E	P/B	ROE %	ROA %	Tỷ suất lợi nhuận thuần	Tỷ suất lợi nhuận gộp
Dầu khí	16.742,65	1%	0,49%	-3,34%	14,41	0,66	4,54%	2,02%	-7,13%	-5,00%
Nguyên vật liệu	154.767,54	7%	-0,63%	-7,41%	9,41	1,86	19,34%	10,33%	5,58%	14,59%
Công nghiệp	422.690,69	19%	-0,50%	-1,08%	20,22	5,02	16,04%	7,67%	15,26%	21,55%
Hàng Tiêu dùng	607.382,51	27%	-0,79%	3,13%	19,72	6,87	30,05%	20,47%	15,61%	33,92%
Dược phẩm và Y tế	32.038,16	1%	-0,79%	6,32%	24,48	3,29	21,91%	14,36%	11,55%	39,60%
Dịch vụ Tiêu dùng	134.773,37	6%	-0,09%	-6,42%	17,83	4,59	39,01%	10,42%	23,20%	7,47%
Viễn thông	13.236,25	1%	0,40%	-5,13%	12,91	3,93	29,72%	10,98%	14,34%	44,29%
Tiện ích Cộng đồng	165.144,62	7%	-1,75%	-1,26%	13,01	2,28	15,79%	10,35%	14,53%	23,83%
Tài chính	346.123,46	15%	-0,76%	0,68%	24,28	2,85	10,00%	3,33%	17,18%	31,54%
Ngân hàng	362.918,17	16%	-0,70%	1,82%	13,86	1,75	11,86%	0,76%	22,73%	51,64%
CNTT	28.454,48	1%	0,88%	2,70%	11,32	2,03	16,38%	6,67%	5,83%	20,12%

## Top vốn hóa cao nhất HOSE

STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	VNM	VINAMILK	6.464	22,28	1.451.415.315	43,16%	32,89%	209.003,81
2	VCB	Vietcombank	1.899	19,38	3.597.768.575	14,70%	0,93%	132.397,88
3	SAB	SABECO	6.983	29,07	641.281.186	33,80%	21,97%	130.180,08
4	VIC	VinGroup	928	45,30	2.637.707.954	5,89%	1,50%	110.915,62
5	GAS	PV Gas	3.675	15,08	1.913.348.070	16,77%	12,37%	105.999,48
6	ROS	Xây dựng FLC FAROS	1.144	150,32	430.000.000	11,63%	7,39%	73.960,00
7	CTG	VIETINBANK	1.828	9,74	3.723.404.556	11,48%	0,79%	66.276,60
8	BID	BIDV	1.795	9,47	3.418.715.334	14,70%	0,66%	58.118,16
9	MSN	Tập đoàn Masan	2.472	18,53	1.138.262.164	11,77%	3,85%	52.132,41
10	NVL	Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland)	3.238	21,84	589.369.234	20,63%	5,28%	41.668,40

## Top vốn hóa cao nhất HNX

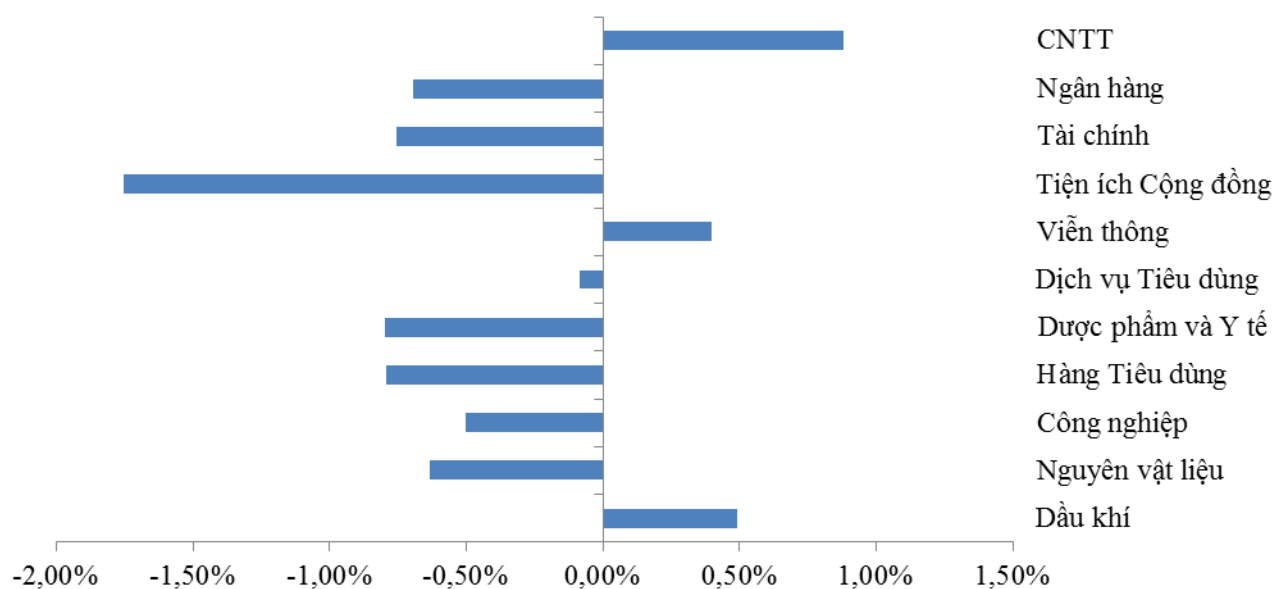
STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	ACB	Ngân hàng Á Châu	1.344	17,19	985.901.288	9,87%	0,61%	22.774,32
2	VCS	VCS STONE	12.009	13,09	60.000.000	55,28%	22,09%	9.432,00
3	SHB	SHB	896	7,70	1.119.192.914	7,46%	0,42%	7.722,43
4	PVS	DVKT Dầu khí PTSC	2.325	7,40	446.700.421	8,79%	4,00%	7.683,25
5	VCG	VINACONEX	1.095	14,16	441.710.673	6,54%	2,22%	6.846,52
6	PVI	Bảo hiểm PVI	2.424	11,76	222.487.267	7,96%	3,36%	6.340,89
7	NTP	Nhựa Tiền Phong	5.346	14,16	74.367.307	22,38%	11,90%	5.629,61
8	PHP	Cảng Hải Phòng	1.410	11,21	326.960.000	12,12%	8,82%	5.165,97
9	VGC	Tổng Công ty Viglacera	1.820	8,96	307.000.000	13,40%	4,17%	5.004,10
10	VNR	Tái bảo hiểm Quốc gia	1.829	13,01	131.075.937	8,87%	3,74%	3.119,61

## Top vốn hóa cao nhất UPCOM

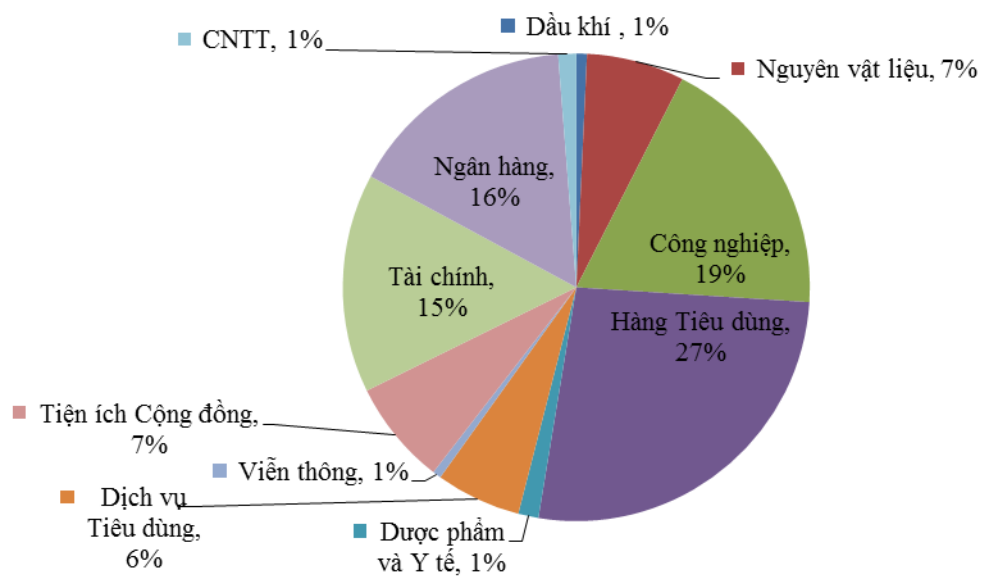
STT	Mã CK	Tên Công ty	EPS (VND)	P/E	Số CPLH (Triệu CP)	ROE %	ROA %	Vốn hóa (Tỷ VND)
1	ACV	Cảng Hàng không VN	1.002	49,98	2.177.173.236	8,33%	3,86%	108.989,29
2	MCH	Hàng Tiêu Dùng MaSan	5.165	12,57	538.160.117	21,66%	15,32%	34.948,12
3	HVN	Vietnam Airlines	1.749	14,32	1.227.533.778	14,48%	2,21%	30.749,72
4	QNS	Đường Quảng Ngãi	7.575	16,44	187.549.373	43,25%	24,96%	23.361,15
5	FOX	FPT Telecom	6.698	13,49	137.048.594	30,82%	11,15%	12.378,23
6	MSR	Tài Nguyên MASAN	153	106,89	703.544.898	0,94%	0,41%	11.481,85
7	VIB	VIBBank	900	21,02	564.440.589	6,47%	0,59%	10.679,22
8	VEF	Triển lãm Việt Nam	267	218,24	166.604.050	2,58%	2,56%	9.694,69
9	DTK	Vinacom Power	21	656,35	680.000.000	0,23%	0,05%	9.520,00
10	SQC	Khoáng sản SG-Quy Nhơn	-528	-153,37	107.299.000	-6,48%	-4,99%	8.691,22

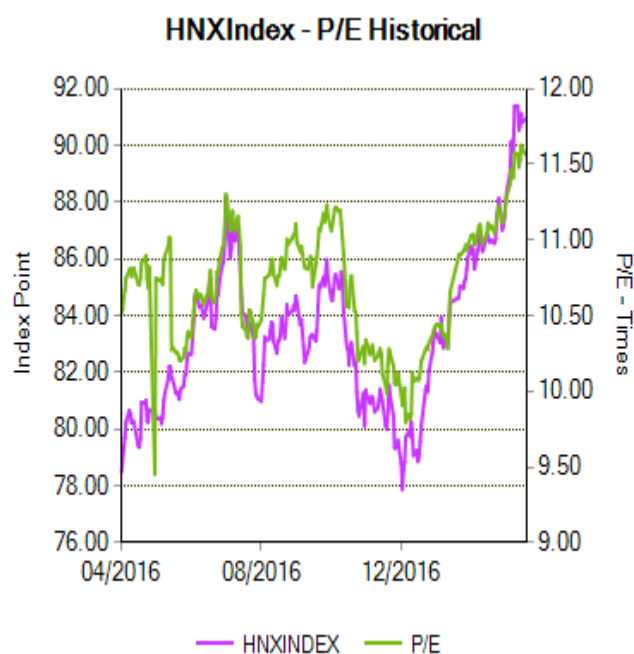
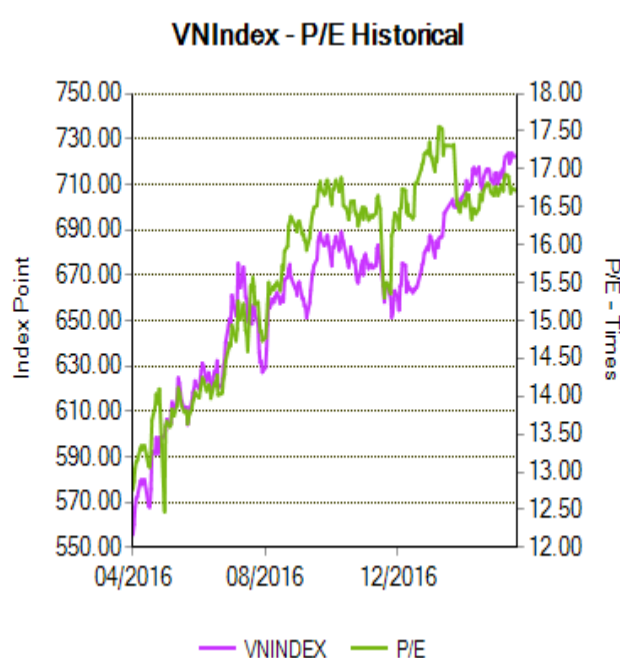


### Tăng/giảm theo ngành



### Tỷ trọng vốn hóa ngành





**MIỄN TRÁCH:** Các thông tin và dự báo trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin mà BMSC cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo tính chính xác và hoàn chỉnh của các thông tin này. Toàn bộ quan điểm và nhận định trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích dựa trên cơ sở phân tích chi tiết, cẩn thận hợp lý, và phù hợp với thời điểm đưa ra báo cáo này. Các quan điểm này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được đưa ra không nhằm mục đích khuyến nghị hay quảng cáo việc mua/bán bất cứ cổ phiếu nào. BMSC không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào đối với việc sử dụng các thông tin, phân tích, hay khuyến nghị nào từ báo cáo này. Bản quyền báo cáo này thuộc về BMSC. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của BMSC đều không được phép.

**THÔNG TIN LIÊN HỆ** Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh – Hội sở Lầu 3, Tòa nhà Pax Sky, 34A Phạm Ngọc Thạch, P.6, Q.3, TP. HCM

ĐT: +84 8 7306 8686 – Fax: +84 8 3824 7436

Website: <https://www.bmsc.com.vn> – Email: [info@bmsc.com.vn](mailto:info@bmsc.com.vn)